

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án trồng cây phân tán
Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg
ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn huyện Núi Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Núi Thành tại Tờ trình số 51/TTr-NN&PTNT ngày 16/9/2022 về việc thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Núi Thành;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 242/TTr-SNN&PTNT ngày 06/10/2022 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 213/BC-CCKL ngày 05/10/2022 của Chi cục Kiểm lâm).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Núi Thành; với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án, chủ đầu tư:

- Tên Dự án: Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Núi Thành.

- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Nam.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Núi Thành.

- Đại diện chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Núi Thành.

2. Địa điểm:

Triển khai trồng cây phân tán trên diện tích đất trống xung quanh vườn nhà, bờ ruộng, bờ kênh, nương, bờ vùng, bờ thửa, ven đê, đất trống xen cây công nghiệp, đường giao thông nông thôn, khu dân cư, đất đồi gò, đất trống trong vườn hộ gia đình tại 12 xã, thị trấn: Tam Sơn, Tam Anh Bắc, Tam Giang, Tam Xuân 2, Tam Mỹ Tây, Tam Nghĩa, Tam Hoà, Tam Mỹ Đông, Tam Tiến, Tam Anh Nam, Tam Thạnh và thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu:

- Lan tỏa phong trào trồng cây xanh, trồng rừng đến các ngành, địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức khác; nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của cây xanh, của rừng trong đời sống xã hội, góp phần nâng cao độ che phủ rừng của tỉnh, thúc đẩy quá trình phủ xanh đất trống, đồi trọc, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái.

- Tạo nguồn gỗ làm nhà của người dân tại địa phương, hạn chế khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; nâng cao thu nhập cho người dân thông qua việc thu hoạch gỗ và lâm sản từ cây trồng, góp phần ổn định cuộc sống cho Nhân dân trong khu vực.

4. Quy mô và nội dung Dự án:

4.1. Quy mô:

Tổ chức cấp phát và hướng dẫn trồng mới 50.000 cây xanh phân tán, trong đó:

Tổ chức cấp phát và hướng dẫn trồng mới 50.000 cây xanh phân tán, trong đó:

- Giỏi xanh (*Tên khoa học: Michelia mediocris*) : 10.000 cây

- Gáo vàng (*Tên khoa học: Nauclea orientalis*) : 10.000 cây
- Lim xanh (*Tên khoa học: Erythrophleum fordii*) : 10.000 cây
- Sao đen (*Tên khoa học: Hopea odorata*) : 20.000 cây

4.2. Nội dung: Thuyết minh thiết kế kỹ thuật trồng, chăm sóc 50.000 cây phân tán.

5. Nội dung thiết kế kỹ thuật

5.1. Kỹ thuật trồng cây phân tán

- Xử lý thực bì: Tiến hành phát dọn toàn bộ thực bì tại vị trí trồng với đường kính từ 0,8 đến 1,0 m hoặc theo băng trồng với độ rộng băng phát 2 m, chừa lại toàn bộ cây thân gỗ có trong băng phát.

- Làm đất trồng cây: Đào hố có kích thước 40cm x 40cm x 40cm; sau khi đào hố xong từ 1 - 2 tuần, hố phải được lấp lại, lớp đất mặt lấp xuống trước sau khi đã nhặt sạch cỏ, rễ cây, hố lấp xong miệng hố phải hình mâm xôi, mặt đất trong hố phải cao hơn mặt đất tự nhiên từ 5 - 10 cm.

- Kỹ thuật trồng: Chọn ngày râm mát hoặc có mưa nhỏ, đất ẩm, làm tơi đất trong hố, đào lỗ giữa hố có kích thước đủ để đặt bầu. Rạch bỏ vỏ bầu, để cây ngay ngắn giữa hố, lấp đất lèn chặt xung quanh gốc cây từ dưới lên trên, lấp trên cổ rễ 2 cm, vun thành hình mâm xôi. Khoảng cách giữa các cây trồng từ 2,5 mét đến 3 mét.

- Loài cây trồng: Giỏi xanh, Gáo vàng, Lim xanh, Sao đen.

- Tiêu chuẩn cây giống trồng phân tán:

+ Cây con được tạo trong túi bầu PE (trọng lượng khoảng 0,5 đến 0,8 kg) và được nuôi dưỡng trong vườn ươm.

+ Thời gian gieo ươm cây Giỏi xanh, Gáo vàng, Lim xanh, Sao đen trên 12 tháng tuổi.

+ Tiêu chuẩn kích thước cây con trồng rừng: Cây Lim xanh có chiều cao vút ngọn Hvn: ≥ 50 cm; đường kính cổ rễ Dcr: $\geq 0,8$ cm. Cây Giỏi xanh có chiều cao vút ngọn Hvn: ≥ 40 cm; đường kính cổ rễ Dcr: $\geq 0,6$ cm. Cây Gáo vàng có chiều cao vút ngọn Hvn: ≥ 40 cm; đường kính cổ rễ Dcr: $\geq 0,4$ cm. Cây Sao đen có chiều cao vút ngọn Hvn: ≥ 50 cm; đường kính cổ rễ Dcr: $\geq 0,6$ cm.

+ Cây sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, sâu bệnh, cụt ngọn, vỡ bầu, có bộ rễ phát triển tốt, lá không bị vàng úa.

+ Cây con đảm bảo chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định.

- Thời vụ trồng: trồng vào mùa mưa từ tháng 9 đến 15/12 hàng năm.

5.2. Chăm sóc cây trồng phân tán

Sau khi trồng, người dân tự thực hiện chăm sóc cây trồng liên tục trong 04 năm, trong 02 năm đầu mỗi năm chăm sóc ít nhất là 02 lần, các năm tiếp theo,

mỗi năm chăm sóc 01 lần. Nội dung chăm sóc: Cắt bỏ dây leo bu bám cây trồng, vun gốc, dây cỏ, cuốc thực quanh gốc cây trồng với đường kính rộng 1,0 mét.

6. Phương thức và điều kiện hỗ trợ cây phân tán

6.1. Phương thức hỗ trợ: Chủ đầu tư hỗ trợ cây giống (bao gồm chi phí vận chuyển đến trụ sở UBND xã hoặc trụ sở nhà thôn- nơi xe ô tô tải vào được).

6.2. Đối tượng được hỗ trợ: Gồm 238 hộ gia đình sinh sống tại 12 xã, thị trấn: Tam Sơn, Tam Anh Bắc, Tam Giang, Tam Xuân 2, Tam Mỹ Tây, Tam Nghĩa, Tam Hoà, Tam Mỹ Đông, Tam Tiến, Tam Anh Nam, Tam Thạnh và thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành có đất và có nhu cầu nhận cây xanh để trồng phân tán.

6.3. Điều kiện được hỗ trợ

- Hộ gia đình có diện tích đất trồng đảm bảo đủ điều kiện để trồng cây phân tán.

- Có đơn đề nghị hỗ trợ cây trồng phân tán và cam kết trồng cây phân tán đúng quy trình kỹ thuật, đúng số lượng, đúng địa điểm đã đăng ký (có xác nhận của UBND xã).

7. Dự toán kinh phí đầu tư:

7.1. Dự toán:

Tổng mức đầu tư dự án làm tròn số là 466.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 410.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 12.300.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 28.171.000 đồng;
- Chi phí khác: 2.582.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 12.947.000 đồng.

(Đính kèm các biểu dự toán chi tiết)

7.2. Nguồn vốn đầu tư

Sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

8. Thời gian, tiến độ thực hiện

- Tiến độ: Thực hiện từ năm 2022 và kết thúc vào năm 2024.

- Kế hoạch:

+ Năm 2022: Lập hồ sơ trình duyệt và tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng cây giống.

+ Năm 2023: Tổ chức cấp phát, hướng dẫn trồng cây phân tán với số lượng 25.000 cây (5.000 cây Giỏi xanh; 5.000 cây Gáo vàng; 5.000 cây Lim xanh và 10.000 cây Sao đen).

+ Năm 2024: Tổ chức cấp phát, hướng dẫn trồng cây phân tán với số lượng 25.000 cây (5.000 cây Giỏi xanh; 5.000 cây Gáo vàng; 5.000 cây Lim xanh và 10.000 cây Sao đen).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Núi Thành (đại diện chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Dự án đầu tư theo đúng quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, đảm bảo tiến độ, cấp cây trồng phân tán theo số lượng và chất lượng đã đăng ký.

- Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm) theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cấp phát, trồng cây phân tán của chủ đầu tư theo đúng nội dung phê duyệt.

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Núi Thành; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Núi Thành và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Năm 2022\Quyết định\10 14 phê duyệt Báo cáo KTKT trong rừng huyện Núi Thành.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Biểu 01. KHAI QUÁT CHI PHÍ XÂY DỰNG

Công trình: Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Núi Thành

Địa điểm: Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng			Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
			Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó	
				2023	2024			2023	2024
[1]	[2]	[3]	[4=5+6]	[5]	[6]	[7]	[8=4*7]	[9=5*7]	[10=6*7]
I	Chi phí xây dựng trước thuế						410.000.000	205.000.000	205.000.000
1	Chi phí trực tiếp						410.000.000	205.000.000	205.000.000
1.1	Chi phí vật tư		50.000	25.000	25.000		410.000.000	205.000.000	205.000.000
-	Giỏi	Cây	10.000	5.000	5.000	14.000	140.000.000	70.000.000	70.000.000
-	Gáo vàng	Cây	10.000	5.000	5.000	8.000	80.000.000	40.000.000	40.000.000
-	Lim xanh	Cây	10.000	5.000	5.000	10.000	100.000.000	50.000.000	50.000.000
-	Sao đen	Cây	20.000	10.000	10.000	4.500	90.000.000	45.000.000	45.000.000
1,2	Chi phí nhân công						-		
II	Thuế giá trị gia tăng						-		
III	Chi phí xây dựng sau thuế						410.000.000	205.000.000	205.000.000

Bảng 02. TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Núi Thành

Địa điểm thực hiện: Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế (đ)	Thuế GTGT (đ)	Giá trị sau thuế (đ)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	GXD	Bảng tính chi tiết	410.000.000	0	410.000.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (TT 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019)	GQLDA	GXD* 3,0%	12.300.000	0	12.300.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	GTV		25.609.548	2.560.955	28.170.503
1	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	GTV1	Bảng tính chi tiết	24.457.448	2.445.745	26.903.193
2	Lập HS mời thầu, đánh giá HS dự thầu mua sắm vật tư	GTV2	Bảng tính chi tiết	1.152.100	115.210	1.267.310
IV	CHI PHÍ KHÁC	GK		2.582.402	0	2.582.402
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ 99/2021)	GK1	TMĐTLT* 0,570%	2.582.402		2.582.402
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	GDP		12.947.095		12.947.095
	TỔNG CỘNG	G	I+...+VI	463.439.045	2.560.955	466.000.000

Biểu 03. PHÂN KỲ VỐN ĐẦU TƯ VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CÔNG TRÌNH

Công trình: Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Núi Thành

Địa điểm: Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: VN đồng

TT	Hạng mục	Năm thực hiện		Tổng cộng
		2023	2024	
I	Chi phí xây dựng	205.000.000	205.000.000	410.000.000
1	Chi phí trực tiếp	205.000.000	205.000.000	410.000.000
1.1	Chi phí vật tư	205.000.000	205.000.000	410.000.000
1	Cây giống trồng cây xanh phân tán	205.000.000	205.000.000	410.000.000
1.2	Chi phí nhân công	0	0	0
II	Chi phí QLDA	6.150.000	6.150.000	12.300.000
III	Chi phí tư vấn ĐT XD	28.170.503	0	28.170.503
1	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	26.903.193		26.903.193
2	Lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm cây giống	1.267.310		1.267.310
IV	Chi phí khác	0	2.582.402	2.582.402
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		2.582.402	2.582.402
V	Chi phí dự phòng:	10.250.000	2.697.095	12.947.095
Tổng chi phí		249.570.503	216.429.497	466.000.000